

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG DƯƠNG NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-KTHTĐT
V/v tổ chức thông tin, tuyên truyền
một số quy định của pháp luật về việc
cấm chăn nuôi gia súc, gia cầm, cấm
giết mổ tập trung và quản lý chó mèo
trên địa bàn phường Dương Nội

Dương Nội, ngày tháng 4 năm 2026

Kính gửi:

- Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị;
- Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao;
- Các Tổ dân phố.

Ủy ban nhân dân phường đã ban hành các Kế hoạch: số 19/KH-UBND ngày 13/01/2026 về phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn phường Dương Nội năm 2026; số 37/KH-UBND ngày 27/01/2026 về việc triển khai tổng vệ sinh, khử trùng, tiêu độc môi trường phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm đợt 1 dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026 trên địa bàn phường Dương Nội; số 112/KH-UBND ngày 21/3/2026 về việc tiêm vắc xin phòng bệnh Đại cho đàn chó, mèo trên địa bàn phường Dương Nội đợt 1 năm 2026. Trong đó, đã triển khai 01 đợt tổng vệ sinh, khử trùng, tiêu độc môi trường phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm đợt 1 dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026 trên địa bàn phường Dương Nội.

Để tiếp tục đảm bảo công tác kiểm dịch, kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y được thực hiện nghiêm túc; kiểm soát chặt chẽ hoạt động vận chuyển, giết mổ động vật và sản phẩm động vật đảm bảo an toàn dịch bệnh và an toàn thực phẩm góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng; quản lý chó thả rong đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường, UBND phường giao phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao, các Tổ dân phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền một số quy định của pháp luật về việc cấm chăn nuôi gia súc, gia cầm, cấm giết mổ tập trung và quản lý chó mèo trên địa bàn phường Dương Nội tới công chức, người lao động, các tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm, có hoạt động giết mổ và các hộ có chăn nuôi chó, mèo trên địa bàn biết và thực hiện (Có bài tuyên truyền gửi kèm).

Ủy ban nhân dân phường Dương Nội yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị: Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao; đề nghị các Tổ dân phố triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c PCT UBND phường - Vũ Thị Ngọc Hiền (để n/bắt);
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phùng Chí Tâm

BÀI THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN
Một số Quy định pháp luật về cấm chăn nuôi gia súc, gia cầm, cấm giết mổ
tập trung và quản lý chó mèo

(Kèm theo Văn bản số: /UBND-KTHTĐT ngày /4/2026
 của UBND phường Dương Nội)

A. MỘT SỐ VĂN BẢN PHÁP LUẬT VỀ CẤM CHĂN NUÔI GIA SÚC, GIA CẦM, CẤM GIẾT MỔ TẬP TRUNG, QUẢN LÝ CHÓ MÈO

1. Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015;
2. Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018;
3. Nghị định số 14/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi;
4. Nghị định 90/2017/NĐ-CP ngày 31/07/2017 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y;
5. Nghị định số 04/2020/NĐ-CP ngày 03/01/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y;
6. Nghị Quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn Thành phố Hà Nội;
7. Nghị định số 144/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ: Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình;
8. Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn Quy định về phòng chống dịch bệnh động vật trên cạn;
9. Quyết định 71/2007/QĐ-UBND ngày 22/6/2007 của UBND Thành phố ban hành quy định phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn thành phố Hà Nội;
10. Quyết định số 51/2009/QĐ-UBND của UBND TP Hà Nội: Ban hành "Quy định về quản lý hoạt động giết mổ, vận chuyển, chế biến, buôn bán gia súc, gia cầm trên địa bàn Thành phố Hà Nội".

B. QUY ĐỊNH VỀ KHU VỰC KHÔNG ĐƯỢC PHÉP CHĂN NUÔI VÀ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

1. Quy định khu vực không được phép chăn nuôi tại Nghị Quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố Hà Nội

“Điều 1. Quy định khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn thành phố Hà Nội:

1. Khu vực không được phép chăn nuôi

Khu vực không được phép chăn nuôi gia súc, gia cầm (trừ nuôi động vật làm cảnh, nuôi động vật thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường), gồm:

a) Các phường của các quận thuộc Thành phố.

.....”

2. Quy định các chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi tại Nghị Quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố Hà Nội

“Điều 2. Các chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi

1. Phạm vi điều chỉnh: Chính sách này áp dụng đối với các cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm tại các khu vực được quy định tại Khoản 1, Điều 1 Nghị quyết này.

2. Đối tượng thụ hưởng:

a) Các cơ sở chăn nuôi nằm trong khu vực được quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị quyết này, thực hiện di dời (hoặc dừng chăn nuôi) đến vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi.

b) Các cơ sở chăn nuôi thực hiện di dời (hoặc dừng chăn nuôi) đến vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

- Đối với chăn nuôi trâu bò và vật nuôi khác có thường xuyên từ 01 trâu, bò hoặc từ 20 con dê trở lên.

- Đối với chăn nuôi lợn có thường xuyên từ 02 con lợn nái hoặc dưới 5 con lợn thịt hoặc từ 1 con lợn nái và 3 con lợn thịt trở lên.

- Đối với chăn nuôi gia cầm có thường xuyên từ 200 con gia cầm thương phẩm hoặc từ 100 con gia cầm sinh sản trở lên.

3. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề

a) Đối tượng, điều kiện áp dụng: Chủ cơ sở, người lao động làm việc trực tiếp tại các cơ sở chăn nuôi đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này khi dừng chăn nuôi có nhu cầu đào tạo, chuyển đổi nghề.

b) Nội dung và mức hỗ trợ:

Hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp: Được hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 và Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ, gồm:

- Hỗ trợ chi phí học nghề, mức tối đa: 3.000.000 đồng/người/khóa học.

- Mức hỗ trợ tiền ăn: 30.000 đồng/người/ngày thực học.

- Mức hỗ trợ tiền đi lại theo giá vé giao thông công cộng với mức tối đa không quá 200.000 đồng/người/khóa học đối với người tham gia học nghề ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên.

c) Phương thức hỗ trợ:

Người lao động có nhu cầu học nghề trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng, đăng ký với cơ sở giáo dục nghề nghiệp đủ điều kiện hoạt động theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp hoặc Phòng Lao động Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi có hộ khẩu thường trú để đăng ký học nghề.

Chính sách hỗ trợ học phí học nghề, hỗ trợ tiền ăn, hỗ trợ tiền đi lại cho người lao động quy định tại điểm b, Khoản 3 Điều này được thực hiện thông qua cơ sở giáo dục nghề nghiệp trực tiếp tổ chức đào tạo theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Điều 8 Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ (không trả trực tiếp cho người lao động).

4. Hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi đến vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi

a) Đối tượng áp dụng: Chủ cơ sở đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này thực hiện di dời đến vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi đã được Thành phố phê duyệt.

b) Nội dung và mức hỗ trợ: Được áp dụng theo quy định tại Điểm b, Khoản 5, Điều 1 Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/12/2018 của HĐND thành phố Hà Nội.

c) Phương thức hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Điểm c, Khoản 5, Điều 1 Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/12/2018 của HĐND thành phố Hà Nội.

5. Ngoài các nội dung chính sách nêu trên, các đối tượng thụ hưởng chính sách được hưởng các chính sách khác của Trung ương và Thành phố theo quy định nhưng không trùng lặp về nội dung hỗ trợ. Trường hợp trong cùng thời điểm và cùng một nội dung hỗ trợ, đối tượng thụ hưởng chính sách chỉ được lựa chọn một mức hỗ trợ cao nhất và có lợi nhất.

6. Các chính sách hỗ trợ tại Khoản 3 và Khoản 4 điều này được áp dụng một lần cho các đối tượng đủ điều kiện thụ hưởng trong thời gian từ 01/01/2021 đến ngày 31/12/2023.”

C. CHẾ TÀI XỬ LÝ ĐỐI VỚI CẤM CHĂN NUÔI GIA SÚC, GIA CẦM, CẤM GIẾT MỔ TẬP TRUNG, QUẢN LÝ CHÓ MÈO

1. Chế tài xử lý đối với chăn nuôi gia súc, gia cầm

Cơ sở chăn nuôi nếu không thực hiện đúng quy định pháp luật về chăn nuôi sẽ bị kiểm tra, xử lý theo quy định tại Nghị định số 14/2021/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định 04/2020/NĐ-CP ngày 20/4/2021 của Chính phủ và các quy định pháp luật có liên quan, thậm chí bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu vi phạm đặc biệt nghiêm trọng, Cụ thể:

“Điều 24. Vi phạm quy định về điều kiện chăn nuôi nông hộ

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi gian dối trong kê khai nhằm mục đích trục lợi.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi chăn nuôi tại khu vực không được phép chăn nuôi.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc di dời vật nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 25. Vi phạm quy định về điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô vừa, quy mô nhỏ

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không lưu giữ, cập nhật đầy đủ hồ sơ về quá trình hoạt động chăn nuôi, sử dụng thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, vắc-xin và thông tin khác để bảo đảm truy xuất nguồn gốc;

b) Không bảo đảm khoảng cách an toàn trong chăn nuôi trang trại theo quy định.

2. Hành vi vi phạm quy định về kê khai chăn nuôi bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện kê khai;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi gian dối trong kê khai nhằm mục đích trục lợi.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi chăn nuôi tại khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc giảm quy mô chăn nuôi cho phù hợp với khoảng cách theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

c) Buộc di dời trang trại ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 26. Vi phạm quy định về điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không lưu giữ, cập nhật đầy đủ hồ sơ về quá trình hoạt động chăn nuôi, sử dụng thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, vắc-xin và thông tin khác để bảo đảm truy xuất nguồn gốc;

b) Thay đổi thông tin về tổ chức, cá nhân trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đã được cấp nhưng không làm thủ tục để đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi;

c) Không bảo đảm khoảng cách an toàn trong chăn nuôi trang trại theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi trốn tránh, cản trở hoặc không chấp hành yêu cầu việc thực hiện đánh giá giám sát duy trì điều kiện chăn nuôi.

3. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tẩy, xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi.

4. Hành vi vi phạm về kê khai chăn nuôi bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện kê khai;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi gian dối trong kê khai nhằm mục đích trục lợi.

5. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện hoạt động chăn nuôi không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi.

6. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi chăn nuôi tại khu vực không được phép chăn nuôi.

7. Hình thức xử phạt bổ sung

Tịch thu Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc giảm quy mô chăn nuôi cho phù hợp với khoảng cách theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 4 Điều này;

c) Buộc di dời trang trại chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này.”

2. Chế tài xử lý đối với giết mổ tại địa điểm không được cơ quan có thẩm quyền cho phép

Cơ sở giết mổ nếu không thực hiện đúng quy định pháp luật về giết mổ sẽ bị kiểm tra, xử lý theo quy định tại Nghị định 90/2017/NĐ-CP, được sửa đổi bởi điểm c khoản 8 Điều 2 Nghị định 04/2020/NĐ-CP, khoản 2 Điều 3 Nghị định 04/2020/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan, thậm chí bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu vi phạm đặc biệt nghiêm trọng, Cụ thể:

“Điều 20. Vi phạm về vận chuyển, kinh doanh, thu gom, lưu giữ, kiểm soát giết mổ động vật trên cạn; sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật để kinh doanh

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không lập sổ sách, ghi chép, lưu giữ thông tin để truy xuất nguồn gốc động vật, sản phẩm động vật.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi giết mổ động vật trên cạn trong Danh mục động vật thuộc diện phải kiểm soát giết mổ nhưng không được cơ quan quản lý chuyên ngành thú y thực hiện kiểm soát giết mổ trừ các cơ sở giết mổ nhỏ lẻ ở khu vực hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

3. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi không chấp hành yêu cầu của nhân viên thú y về xử lý động vật, sản phẩm động vật không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y tại cơ sở giết mổ.

4. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi giết mổ động vật tại địa điểm không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

5. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với hành vi vận chuyển động vật chết, sản phẩm động vật không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm để kinh doanh.

6. Phạt tiền từ 60% đến 70% giá trị sản phẩm động vật nhưng không vượt quá 50.000.000 đồng đối với hành vi vận chuyển, kinh doanh thịt gia súc, gia cầm và sản phẩm từ gia súc, gia cầm không có dấu kiểm soát giết mổ, tem vệ sinh thú y, bao bì đánh dấu đã qua kiểm tra vệ sinh thú y.

7. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Giết mổ động vật, thu hoạch động vật thủy sản, sản phẩm động vật dùng làm thực phẩm trước thời gian ngừng sử dụng thuốc thú y không theo hướng dẫn sử dụng;

8. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi ngâm, tẩm hóa chất vào sản phẩm động vật.

9. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sản xuất, sơ chế, chế biến, kinh doanh sản phẩm động vật có chứa chất cấm sử dụng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản thú y ((sửa đổi theo bởi Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 04/2020/NĐ-CP);

b) Giết mổ động vật mắc bệnh, kinh doanh sản phẩm động vật mang mầm bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật cấm giết mổ, chữa bệnh theo quy định.

10. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vận chuyển, kinh doanh, lưu giữ, giết mổ động vật để làm thực phẩm mà động vật đó bị sử dụng thuốc an thần không theo hướng dẫn của nhà sản xuất hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y có thẩm quyền (sửa đổi theo bởi điểm a Khoản 8 Điều 2 Nghị định số 04/2020/NĐ-CP).

11. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vận chuyển, kinh doanh, lưu giữ, giết mổ động vật chứa chất cấm sử dụng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản (sửa đổi theo bởi Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 04/2020/NĐ-CP).

12. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5, khoản 9 và khoản 11 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 7, khoản 8 và khoản 9 Điều này (sửa đổi theo bởi Điểm b Khoản 8 Điều 2 Nghị định số 04/2020/NĐ-CP);

c) Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 10 và khoản 11 Điều này

13. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc phải kiểm tra vệ sinh thú y sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này. Trong trường hợp kiểm tra vệ sinh thú y

không đạt yêu cầu buộc phải tiêu hủy hoặc xử lý nhiệt chuyển đổi mục đích sử dụng sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này;

b) Buộc xử lý nhiệt chuyển đổi mục đích sử dụng sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 4, khoản 7 và khoản 8 Điều này; ...”

3. Quy định về quản lý chó, mèo

Luật Chăn nuôi 2018 quy định về quản lý chó, mèo như sau:

“Điều 66 Quản lý nuôi chó, mèo

Chủ nuôi chó, mèo phải thực hiện các yêu cầu sau đây:

1. Thực hiện tiêm phòng bệnh dại cho chó, mèo theo quy định của pháp luật về thú y;

2. Khi nghi ngờ chó, mèo có triệu chứng bệnh dại phải báo ngay cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cán bộ chăn nuôi, thú y cơ sở và thực hiện xử lý theo quy định của pháp luật về thú y;

3. Có biện pháp bảo đảm an toàn cho người và vật nuôi khác, giữ gìn vệ sinh môi trường, bảo đảm điều kiện vệ sinh thú y;

4. Trường hợp chó, mèo tấn công, gây thiệt hại thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.”

4. Chế tài xử lý đối với chó thả rông

Chủ nuôi chó, mèo nếu không thực hiện đúng quy định pháp luật về quản lý chó, mèo sẽ bị kiểm tra, xử lý theo quy định tại Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ và các quy định pháp luật có liên quan, thậm chí bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu vi phạm đặc biệt nghiêm trọng, Cụ thể:

“Điều 7. Vi phạm quy định về trật tự công cộng

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

.....

b) Thả rông động vật nuôi trong đô thị hoặc nơi công cộng;

c) Để vật nuôi, cây trồng hoặc các vật khác xâm lấn lòng đường, vỉa hè, vườn hoa, sân chơi, đô thị, nơi sinh hoạt chung trong khu dân cư, khu đô thị;

d) Vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

đ) Vứt rác hoặc bỏ bất cứ vật gì khác lên tường rào và khu vực liền kề với mục tiêu bảo vệ;

e) Chăn, thả gia súc, gia cầm trong chung cư.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

.....

c) Để động vật nuôi gây thương tích hoặc gây thiệt hại tài sản cho tổ chức, cá nhân khác nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

.....

14. Biện pháp khắc phục hậu quả:

.....
đ) Buộc chi trả toàn bộ chi phí khám bệnh, chữa bệnh đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 1, điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 và điểm a khoản 5 Điều này.”

Lưu ý: Để chó cắn người khác chủ sở hữu bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 128 Bộ luật hình sự 2015 quy định về tội vô ý làm chết người chủ của chó bị xử phạt như sau:

Tội vô ý làm chết người

1. Người nào vô ý làm chết người, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội làm chết 02 người trở lên, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.